TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 508/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thái Thị R, sinh năm 1976 (có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Thái Thị R trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 nH không đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông H không có trách nhiệm với gia đình và thường xuyên rượu chè. Mặc dù bà có khuyên nhiều lần nhưng ông H vẫn không sửa đổi. Bà và ông H đã ly thân

nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 1 con chung tên Thái Lê Hải Đăng, sinh ngày 08/12/2016, hiện đang sống với bà và ông H. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà làm công nhân cho Công ty Shilla Bags International, tổng thu nhập, gồm tiền lương và phụ cấp là hơn 6.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc là 8h/ngày.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông H không có nợ chung.

Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải cùng ngày 15/6/2020, bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà R về thời gian chung sống, Theo ông, giữa vợ chồng không có bất kỳ mâu thuẫn gì để dẫn đến việc ly hôn. Ông và bà R đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà R yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý, lý do ông không muốn con cái xa cha mẹ.

Về con chung: Có một con chung tên Thái Lê Hải Đăng, sinh ngày 08/12/2016, hiện đang sống với ông và bà R. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà R cấp dưỡng nuôi con. Hiện ông đang làm nghề cơ khí và thợ xây tự do, thu nhập ổn định khoảng 9.000.000 đồng/tháng. Khi nào ai có nhu cầu thì thuê ông làm. Thời gian làm việc là 8h/ngày.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà R không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà R và ông H là không hợp pháp. Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà R và ông H là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Đăng cho bà R tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Thái Thị R khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về hôn nhân:* Xét yêu cầu ly hôn của bà R, thấy rằng: Bà và ông H đều xác nhận cả hai tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, không có tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của bà R và ông H là không hợp pháp. Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận bà Thái Thị R và ông Lê Văn H là vợ chồng.

[2.2] *Về con chung:* Bà R và ông H thống nhất có một con chung tên Thái Lê Hải Đăng, sinh ngày 08/12/2016. Khi ly hôn, cả bà R và ông H đều yêu cầu được nuôi cháu Đăng. Xét thấy, hiện bà R đang làm công nhân cho Công ty Shilla Bags International, thu nhập ổn định là 6.800.000 đồng/tháng (có bảng lương xác nhận của Công ty). Đồng thời, đại diện chính quyền địa phương nơi bà R và ông H đang sinh sống cũng xác nhận hiện bà R đang nuôi cháu Đăng. Trong khi đó, ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh thu nhập của ông là 9.000.000 đồng/tháng. Do đó, theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, để đảm bảo sự phát triển bình thường, ổn định của cháu Đăng, căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của các bên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đăng cho bà R tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về phần cấp dưỡng nuôi con:* Do bà R không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung:* Bà R và ông H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] *Về nợ chung:* Bà R và ông H thống nhất xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Bà Thái Thị R phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 14, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị R.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Thái Thị R và ông Lê Văn H là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Công nhận bà Thái Thị R và ông Lê Văn H có 01 con chung là cháu Thái Lê Hải Đăng, sinh ngày 08/12/2016. Khi ly hôn, bà R được trực tiếp nuôi cháu Đăng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Thái Thị R phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005370 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà R đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Thái Thị R được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hòa.
- THADS huyện Đức Hòa.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thiên Trang